

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### TIẾNG ANH 3

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Ngành: Kiểm toán

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- + Tiếng Việt: Tiếng anh 3
  - + Tiếng Anh: English 3
- Mã học phần: DCB.04.08
- Đối tượng học: Sinh viên năm thứ hai ngành Kiểm toán
- Số tín chỉ: 04
- Vị trí của học phần trong CTĐT:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức chuyên ngành		<input type="checkbox"/> Thực tập/khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Tiếng Anh 2 - DCB.04.07
- Học phần song hành: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 04 tín chỉ/200 tiết

Hoạt động trên lớp			Hoạt động khác (tự học, làm bài tập, nghiên cứu, trải nghiệm, ...)
Lí thuyết (LT)	Bài tập (BT)	Kiểm tra (KT)	
20	35	5	140 giờ
60 giờ trên lớp			

(01 giờ trên lớp = 1 tiết LT, Bài tập, Kiểm tra hoặc 2 tiết Thực hành, Thảo luận trên lớp)

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tiếng anh cơ bản

- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):

1) Họ và tên: ThS. Phạm Thị Thu Nga

Chức danh: Giảng viên

Thông tin liên hệ: ĐT: 0912166516; Email: [phamthithunga@fbu.edu.vn](mailto:phamthithunga@fbu.edu.vn)

2) Họ và tên: ThS. Phạm Hồng Phương

Chức danh: Giảng viên

Thông tin liên hệ: ĐT: 0902075299; Email: [phamhongphuong@fbu.edu.vn](mailto:phamhongphuong@fbu.edu.vn)

3) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai

Chức danh: Giảng viên

Thông tin liên hệ: ĐT: 0342445354; Email: [nguyenthihongmai@fbu.edu.vn](mailto:nguyenthihongmai@fbu.edu.vn)

#### 2. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh 3 gồm nội dung 06 bài học (từ File 04 đến File 09) trong giáo trình New English File – Pre-intermediate do các tác giả Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig và Paul Seligson biên soạn. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- + Các vấn đề ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm tiếng Anh;
- + Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày
- + Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, viết, nghe, nói ở cấp độ tiền trung cấp.

Mỗi bài học gồm 04 phần tập trung vào các kiến thức về Ngữ âm (Pronunciation), ngữ pháp (Grammar), và từ vựng (Vocabulary), đan xen các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong đó chú trọng phát triển ngôn ngữ nói phục vụ mục đích giao tiếp bằng tiếng Anh. Sau mỗi bài học đều có 01 nội dung thực tế (Practical English) gồm các tình huống như trong khách sạn, mua hàng, đi du lịch, đặt dịch vụ v.v. và phần củng cố kiến thức của toàn bài. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng Tiếng Anh tương đương trình độ A2+ theo khung tham chiếu Châu Âu CEFR, làm cơ sở để người học tiếp tục học học phần Tiếng Anh 4 trong chương trình đào tạo.

### 3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu học phần	Mô tả mục tiêu học phần Học phần nhằm:
CSO 1.1	Cung cấp cho người học kiến thức từ vựng, ngữ pháp, cấu trúc câu Tiếng Anh để có các kỹ năng nghe nói đọc viết bằng tiếng Anh cơ bản trong các tình huống giao tiếp và về các chủ đề quen thuộc.
CSO 2.1	Rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc viết bằng Tiếng Anh cho các chủ đề, tình huống thông thường.
CSO 3.1	Nâng cao ý thức rèn luyện, sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong các tình huống quen thuộc trong đời sống; chủ động đưa ý kiến thảo luận trong nhóm lớp, nâng cao khả năng tự học.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Mô tả chuẩn đầu ra học phần <i>Hoàn thành học phần này, người học:</i>	CDR của CTĐT	Mức độ
<i>CDR về kiến thức:</i>				
CSO 1.1	CLO 1.1	Vận dụng được các kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng) đã được học trong các ngữ cảnh và tình huống giao tiếp cụ thể.		
<i>CDR về kỹ năng:</i>				
CSO 2.1	CLO 2.1	Nghe những thông tin đơn giản được diễn đạt bằng giọng chuẩn về các chủ đề quen thuộc. Xác định được ý chính trong các bài nói về những chủ đề thường gặp khi được diễn đạt rõ ràng bằng phương ngữ chuẩn phổ biến.	PLO2.3	2
	CLO 2.2	Giao tiếp được trong các tình huống quen thuộc hàng ngày, trình bày ý kiến của mình về các chủ đề văn hóa như sách báo, âm nhạc.	PLO2.3	2
	CLO 2.3	Đọc hiểu được các thông tin khá phức tạp, các bài đọc độ dài 200-300 từ.	PLO2.3	2
	CLO 2.4	Viết được thư không trang trọng sử dụng các thì, các cấu trúc câu đơn, câu phức khá linh hoạt và có sử dụng phương tiện liên kết ý rõ ràng.	PLO2.3	2
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i>				
CSO 3.1	CLO 3.1	Chủ động đưa ra ý kiến khi thảo luận trong nhóm hoặc thảo luận trong lớp; có khả năng tự học tiếng Anh ngoài giờ lên lớp.	PLO3.2	2

[Hướng dẫn: Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).]

## 5. Học liệu

### 5.1. Tài liệu chính:

[1]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koening, Paul Selison, *New English File, Pre-intermediate student's book*, Oxford University Press (2007).

[2]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koening, Paul Selison, *New English File, Pre-intermediate workbook*, Oxford University Press (2007).

### 5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Self-study Material for Non-Major Students – English 03 (Tài liệu Khoa Ngoại ngữ biên soạn).

[2]. Murphy, Raymond, *English Grammar in Use*, (Trần Mạnh Tường dịch và chú giải) NXB Văn hóa – Thông tin (2012)

[3]. Michael McCarthy, Felicity O'Dell, *English Vocabulary in Use Pre- Intermediate*, Cambridge University Press (2010)

[4]. Jonathan Marks, *English Pronunciation in Use Pre- Intermediate*, Cambridge University Press (2007).

## 6. Các phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần

ST T	Mã PP	Tên phương pháp	Lựa chọn	CĐR học phần					
				CLO1.1	CLO2.1	CLO2.2	CLO2.3	CLO2.4	CLO3.1
1.	TLM4	Phương pháp phát vấn	x	x	x	x	x	x	x
2.	TLM6	Phương pháp giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x
3.	TLM7	Phương pháp thuyết giảng	x	x					
4.	TLM8	Tổ chức học tập theo nhóm	x	x	x	x	x	x	x
5.	TLM1 1	Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông	x	x					

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung giảng dạy		Giờ trên lớp			Tự học	CĐR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT				
<b>Buổi 1</b>	<b>4A. From rags to riches</b> - Present perfect (experience) + <i>ever, never</i> ; present perfect or past simple?	2	1		7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	<i>GV giới thiệu ĐCCT học phần</i> - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp thì hiện tại hoàn thành, thực	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học:

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Clothes</li> <li>- Vowel sounds</li> <li>- Have you ever been to Zara store?</li> </ul>						<p>hành kỹ năng nghe, nói với cấu trúc Have you ever been to</p> <p><b>PPDH: TLM4, TLM7, TLM11</b></p>	+ SV đọc và chuẩn bị trước bài 4A
<b>Buổi 2</b>	<p><b>4B. Family conflicts</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Present perfect simple + <i>yet, just, already</i></li> <li>- Verb phrases</li> <li>- Consonant sounds</li> <li>- Problems with your teenage children</li> </ul>	1	2		7	<p>CLO1.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữa bài tập phần 4A.</li> <li>- Hướng dẫn thực hành ngữ pháp thì hiện tại hoàn thành với <i>yet, already</i>, thực hành kỹ năng đọc và nói về chủ đề - Problems with your teenage children</li> </ul> <p><b>PPDH: TLM4, TLM7, TLM8, TLM11</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi.</li> <li>- Nội dung tự học:</li> <li>+ Làm bài tập phần 4A trong workbook.</li> <li>+ SV đọc và chuẩn bị trước bài 4B</li> </ul>
<b>Buổi 3</b>	<p><b>4C. Faster, faster!</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Comparatives, <i>as...as/less... than...</i></li> <li>- Time expressions: <i>spend time, waste time</i>, etc.</li> <li>- Sentence stress</li> <li>- We're living faster but we're living better?</li> </ul> <p><b>4D. The world's friendliest city</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Superlatives (+<i>ever</i> + present perfect)</li> <li>- Opposite adjectives</li> <li>- Word stress</li> <li>- Big cities</li> </ul>	2	1		7	<p>CLO1.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữa bài tập phần 4A.</li> <li>- Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về so sánh hơn, thực hành kỹ năng đọc và nói về chủ đề - Problems with your teenage children</li> </ul> <p><b>PPDH: TLM4, TLM7, TLM11</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi.</li> <li>- Nội dung tự học:</li> <li>+ Làm bài tập phần 4B trong <i>Workbook</i>.</li> <li>+ SV đọc và chuẩn bị trước bài 4C, 4D</li> <li>+ SV làm bài tập File 1 trang 1-6 trong tài liệu tự học <i>Self-study Material for Non-Major Students – English 03</i></li> <li>+ Ôn tập nội dung đã học chuẩn bị cho bài kiểm tra định kỳ lần 1</li> </ul>

<b>Buổi 4</b>	<b>5A. Are you a party animal?</b> - Uses of the infinitive (with to) - Verbs +infinitive - Word stress - What to say (not to say) to people at the parties	1	2		7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- Chữa bài tập phần 4C,4D, File 1 tài liệu tự học - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về cách sử dụng động từ nguyên thể, thực hành kỹ năng nghe và nói về chủ đề - What to say (not to say) at the parties <b>PPDH: TLM4, TLM6 TLM7, TLM11</b>	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 5A trong <i>workbook</i> . + SV đọc và chuẩn bị trước bài 5B, 5C
<b>Buổi 5</b>	<b>5B. What makes you feel good?</b> - Verb+ing - Verbs followed by- ing - -ing - What makes you feel good? <b>5C. How much can you learn in a month?</b> - Have to/don't have to, must/mustn't. - Modifiers: a bit. Really - Sentence stress - How much can you learn in a month?	1	2		7	CLO1.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO3.1	- Chữa bài tập phần 5A - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về cách sử dụng danh động từ, động từ khuyết thiếu, thực hành kỹ năng đọc, nói và viết về chủ đề - How much can you learn in a month? <b>PPDH: TLM4, TLM 6 TLM7, TLM8, TLM11</b>	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 5B, 5C trong <i>workbook</i> . + Ôn tập nội dung đã học chuẩn bị cho bài kiểm tra định kỳ lần 1
<b>Buổi 6</b>	<b>REVIEW &amp; PROGRESS TEST 1</b>		2	1	7	CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO3.1	- Chữa bài tập 5B, 5C - Bao quát phòng, coi kiểm tra <b>PPDH: TLM4, TLM 6, TLM8</b>	- Ghi chép, trả lời câu hỏi. - Làm bài kiểm tra 1 tiết lần 1 - Nội dung tự học: + SV đọc và chuẩn bị trước bài 5D
<b>Buổi 7</b>	<b>5D. The name of the game</b> - Expressing movement	1	2		7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về cách sử dụng giới từ,	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Prepositions of movements, sport.</li> <li>- Prepositions</li> <li>- Your most exciting sporting moments...</li> </ul>						<p>thực hành kỹ năng đọc, nói về chủ đề - Your most exciting sporting moments, hướng dẫn kỹ năng viết An formal letter</p> <p><b>PPDH:</b> <b>TLM4,</b> <b>TLM6,</b> <b>TLM7, TLM8,</b> <b>TLM11</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung tự học:</li> <li>+ SV làm bài tập phần 5D trong <i>workbook</i>.</li> <li>+ SV làm bài tập File 2 trang 7-12 trong tài liệu tự học <i>Self-study Material for Non-Major Students – English 03</i></li> <li>+ SV đọc và chuẩn bị trước bài 6A</li> </ul>
<b>Buổi 8</b>	<p><b>6A. If something bad can happen, it will</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>If+ present; will+infinitive</i> (first conditional)</li> <li>- Confusing verbs</li> <li>- Long and short vowels</li> <li>- Murphy's law</li> </ul>	1	2		7	<p>CLO1.1 CLO2.3 CLO2.4 CLO3.1</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữa bài tập phần 5D, File 2 tài liệu tự học</li> <li>- Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về câu điều kiện loại 1, các động từ dễ gây nhầm lẫn, thực hành kỹ năng đọc và viết về chủ đề - Murphy's law</li> </ul> <p><b>PPDH:</b> <b>TLM4,</b> <b>TLM6,</b> <b>TLM7, TLM8,</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi.</li> <li>- Nội dung tự học:</li> <li>+ SV làm bài tập phần 6A trong <i>workbook</i>.</li> <li>+ SV đọc và chuẩn bị trước bài 6B</li> </ul>
<b>Buổi 9</b>	<p><b>6B. Never smile at a crocodile</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>If+past; would+infinitive</i> (second conditional)</li> <li>- Animals</li> <li>- Stress and rhythm</li> <li>- Nature's perfect killing machine</li> </ul>	1	2		7	<p>CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữa bài tập 6A</li> <li>- Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về câu điều kiện loại 2, từ vựng về động vật, thực hành kỹ năng đọc và nghe về chủ đề Nature's perfect killing machine.</li> </ul> <p><b>PPDH:</b> <b>TLM4,</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi.</li> <li>- Nội dung tự học:</li> <li>+ SV làm bài tập phần 6B trong <i>workbook</i>.</li> <li>+ SV đọc và chuẩn bị trước bài 6C</li> </ul>

							<b>TLM7, TLM8</b>	
<b>Buổi 10</b>	<b>6C. Decisions, decisions</b> - <i>May/might</i> (possibility) - Word building; noun formation - Sentence stress, <i>-ion</i> endings - How to make decisions when you have to choose between possibilities?	1	2		7	CLO1.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1	- Chữa bài tập 6B - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về động từ khuyết thiếu <i>may/might</i> , cách thành lập danh từ, thực hành kỹ năng đọc và nói về chủ đề Nature's perfect killing machine. <b>PPDH:</b> <b>TLM4, TLM7, TLM8, TLM11</b>	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 6C trong <i>workbook</i> . + SV đọc và chuẩn bị trước bài 6D, 7A
<b>Buổi 11</b>	<b>6D. What should I do?</b> -Should/shouldn't - Get - Sentence stress - Radio FM-message boards <b>7A. Famous fear and phobias</b> - Present perfect - Guessing meaning from context	1	2		7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.3 CLO2.4 CLO3.1	- Chữa bài tập 6C - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về động từ khuyết thiếu <i>should/shouldn't</i> , thì hiện tại hoàn thành, thực hành kỹ năng nghe về chủ đề Radio FM-message boards, kỹ năng đọc về Guessing meaning from context, hướng dẫn kỹ năng viết về chủ đề viết thư cho một người bạn <b>PPDH:</b> <b>TLM4, TLM7, TLM8, TLM11</b>	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 6D, 7A trong <i>workbook</i> . + SV làm bài tập File 3 trang 13-18 trong tài liệu tự học <i>Self-study Material for Non-Major Students – English 03</i> + Ôn tập nội dung đã học chuẩn bị cho bài kiểm tra định kỳ lần 2
<b>Buổi 12</b>	<b>REVIEW &amp; PROGRESS TEST 2</b>		2	1	7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- Chữa bài tập 6D, 7A, File 3 tài liệu tự học - Bao quát phòng, coi kiểm tra	- Ghi chép, trả lời câu hỏi. - Làm bài kiểm tra 1 tiết lần 2 - Nội dung tự học:

							<b>PPDH: TLM4, TLM 6, TLM8</b>	+ SV đọc và chuẩn bị trước bài 7B,7C
<b>Buổi 13</b>	<b>7B. Born to direct</b> - Present perfect or Past simple - Biographies - Word stress - Hitchcock or Tarantino? <b>7C. I used to be a rebel</b> - <i>Used to</i> - School subjects: <i>history, geography, etc.</i> - Sentence stress; <i>used to/didn't use to</i> - A famous rebel-but he was really?	1	2		7	CLO1.1 CLO2.4 CLO3.1	- Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về thì hiện tại hoàn thành, cách dùng của <i>Used to</i> , thực hành kỹ năng viết về biographies, kỹ năng đọc về chủ đề famous rebel <b>PPDH:</b> <b>TLM4, TLM6, TLM7, TLM8</b>	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 7B, 7C trong <i>workbook</i> . + SV đọc và chuẩn bị trước bài 7D
<b>Buổi 14</b>	<b>7D. The mothers of invention</b> - Passive - Verb; <i>invent, discover, etc.</i> - <i>-ed</i> , sentence stress - Did you know...?	1	2		7	CLO1.1 CLO2.3 CLO2.4 CLO3.1	- Chữa bài tập 7B, 7C - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về cách dùng của câu bị động, thực hành kỹ năng viết câu bị động, kỹ năng đọc về chủ đề inventions <b>PPDH:</b> <b>TLM4, TLM7, TLM8</b>	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 7D trong <i>workbook</i> . +SV làm bài tập File 4 trang 19-24 trong tài liệu tự học <i>Self-study Material for Non-Major Students – English 03</i> + SV đọc và chuẩn bị trước bài 8A



<b>Buổi 15</b>	<b>8A. I hate weekends!</b> - <i>Something, anything, nothing, etc.</i> - Adjectives ending in <i>-ed</i> and <i>-ing</i> - Vowel sounds - I hate weekends!	1	2		7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- Chữa bài tập phần 7D, File 4 tài liệu tự học - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp câu bị động, thực hành kỹ năng nghe, nói về chủ đề weekends <b>PPDH:</b> <b>TLM4, TLM7, TLM8</b>	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 8A trong <i>workbook</i> . + SV đọc và chuẩn bị trước bài 8B
<b>Buổi 16</b>	<b>8B. How old is your body?</b> - Quantifiers, <i>too, not enough,</i> - Health and lifestyle - How old is your body?	1	2		7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1	- Chữa bài tập phần 8A - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp cách dùng của các từ định lượng và tính từ đuôi <i>ing</i> và <i>ed</i> , thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc về chủ đề health and lifestyle, body age <b>PPDH:</b> <b>TLM4, TLM7, TLM8</b>	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 8B trong <i>workbook</i> . + SV đọc và chuẩn bị trước bài 8C, 8D
<b>Buổi 17</b>	<b>8C. Waking up is hard to do</b> - word order of phrasal verbs. <b>8D. "I'm Jim". "So am I"</b> - So/neither + auxiliaries - similarities - Vowel and consonant sounds, sentence stress	2	1		7	CLO1.1 CLO2.3 CLO3.1	- Chữa bài tập phần 8B - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về trật tự từ trong cụm động từ, cách dùng của <i>so</i> and <i>neither</i> , thực hành kỹ năng viết về chủ đề similarities <b>PPDH:</b> <b>TLM4, TLM7, TLM8, TLM11</b>	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 8C, 8D trong <i>workbook</i> . + SV làm bài tập File 5 trang 15-30 trong tài liệu tự học <i>Self-study Material for Non-Major Students – English 03</i>

								- SV ôn tập cho bài kiểm tra số 3
<b>Buổi 18</b>	<b>REVIEW &amp; PROGRESS TEST 3</b>			3	7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- Hoi thi vấn đáp <b>PPDH:</b> <b>TLM4, TLM7, TLM8</b>	- Ghi chép, trả lời câu hỏi. - Làm bài kiểm tra định kỳ lần 3 (vấn đáp) - Nội dung tự học: + SV đọc và chuẩn bị trước bài 9A
<b>Buổi 19</b>	<b>9A. What a week!</b> - Past perfect - Adverbs: <i>suddenly, immediately, etc.</i> - Revision for vowel sounds and sentence stress - Fact is always stranger than fiction	1	2		7	CLO1.1 CLO2.3 CLO2.4 CLO3.1	- Chữa bài tập 8C, 8D, File 5 Tài liệu tự học - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp thì quá khứ hoàn thành, các trạng từ, thực hành kỹ năng đọc, viết về chủ đề Fact is always stranger than fiction <b>PPDH:</b> <b>TLM4, TLM7, TLM8, TLM11</b>	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 9A trong <i>workbook</i> . + SV làm bài tập File 6 trang 31-36 trong tài liệu tự học <i>Self-study Material for Non-Major Students – English 03</i> + SV đọc và chuẩn bị trước bài 9B
<b>Buổi 20</b>	<b>9B. Then he kissed me</b> - Reported speech - <i>Say, tell, or ask?</i> - Rhyming verbs - Then he kissed me - <b>Review for the final test</b>	1	2		7	CLO1.1 CLO2.3 CLO2.4 CLO3.1	- Chữa bài tập phần 9A, File 6 tài liệu tự học - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp câu tường thuật, thực hành kỹ năng viết câu tường thuật - Công bố điểm thành phần, điều kiện thi - Hướng dẫn ôn tập hết học phần	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 9B trong <i>workbook</i> . - SV ôn tập các nội dung đã học.

							<b>PPDH: TLM4, TLM7, TLM8, TLM11</b>	
<b>Tổng số tiết</b>	<b>20</b>	<b>36</b>	<b>04</b>	<b>140</b>				
<b>Tổng giờ chuẩn</b>	<b>20</b>	<b>36</b>	<b>04</b>	<b>140</b>				

### 8. Nhiệm vụ của người học

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, trong phòng thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- Bài tập, thảo luận:
  - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
  - + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

### 9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

#### 9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

#### 9.2. Phương thức đánh giá

<b>Thành phần đánh giá</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Công cụ đánh giá</b>	<b>CĐR học phần</b>	<b>Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO3.1	100
01 bài kiểm tra định kỳ lần 1	10	- Trắc nghiệm + TỰ luận	Theo thang điểm trong đề thi	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.3 CLO2.4	25 25 25 25
01 bài kiểm tra định kỳ lần 2	10	- Trắc nghiệm + TỰ luận	Theo thang điểm trong đề thi	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.3 CLO2.4	25 25 25 25
01 bài vấn đáp	10	Vấn đáp	- Rubric vấn đáp	CLO2.2	100
01 bài kiểm tra hết học phần	60	Trắc nghiệm + TỰ luận	Theo thang điểm trong đề thi	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.3 CLO2.4	25 25 25 25

### 9.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

#### 9.3.1. Các Rubric đánh giá bài kiểm tra vấn đáp

\* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá bài vấn đáp

\* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics

Thang điểm- Mức chất lượng	Ngữ pháp	Từ vựng	Phát âm	Độ trôi chảy, mạch lạc
<b>8.5- 10</b> <b>Mức A</b> (Vượt quá mong đợi)	- Sử dụng linh hoạt các cấu trúc ngữ pháp, mẫu câu đã học, có thể sử dụng được một vài cấu trúc ngữ pháp tương đối phức tạp cho các tình huống giao tiếp.	- Sử dụng từ vựng cơ bản đã học, có thể sử dụng được một vài từ vựng không phổ biến về các chủ đề thông dụng trong cuộc sống hằng ngày.	- Phát âm chính xác các từ đơn, từ ghép - Nhấn trọng âm của từ và trọng âm của câu tương đối chính xác và rõ ràng.	- Tạo ra và duy trì được độ trôi chảy của bài nói, tự điều chỉnh tốc độ phù hợp - Có thể sử dụng thêm một số từ liên kết.
<b>7.0- 8.4</b> <b>Mức B</b> (Đáp ứng được mong đợi)	- Sử dụng tương đối linh hoạt các cấu trúc ngữ pháp, mẫu câu cơ bản đã học để giao tiếp về các chủ đề thông dụng trong cuộc sống. thỉnh thoảng sử dụng được một vài cấu trúc ngữ pháp không phổ biến.	- Sử dụng tương đối linh hoạt các từ vựng cơ bản đã học. Thỉnh thoảng sử dụng được một vài từ vựng không phổ biến. - Có thể làm người đối thoại hiểu ý mình bằng cách bổ sung các chi tiết nhỏ, mặc dù còn ngập ngừng, cắt ngắn ý và khó khăn tìm cách diễn đạt lại.	- Phát âm và nhấn trọng âm từ tương đối chính xác - Có khả năng kiểm soát được các lỗi về phát âm và trọng âm. - Đôi khi còn do dự trong quá trình phát âm	- Tạo ra và duy trì tương đối tốt độ trôi chảy của bài nói.
<b>5.5- 6.9</b> <b>Mức C</b> (Đạt)	- Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng ở mức độ cơ bản. - Có khả năng tạo ra một vài cấu trúc câu đơn giản	- Sử dụng được từ vựng đã học ở mức độ cơ bản. - Trong quá trình giao tiếp đôi khi còn lặp lại 1 số từ vựng.	- Mắc một số lỗi cơ bản về phát âm và trọng âm - Do dự trong quá trình phát âm, sửa lỗi	- Đôi khi còn ngập ngừng, sử dụng lặp lại một số từ để tiếp tục.
<b>4.0- 5.4</b> <b>Mức D</b> (Đạt, song cần cải thiện)	- Sử dụng ở mức độ tương đối các cấu trúc ngữ pháp, mẫu câu cơ bản đã học.	- Đôi khi sử dụng một số từ vựng không phù hợp với chủ đề đang nói đến - Thường xuyên sử dụng các cụm từ ngắn, lặp từ nhiều và do dự trong việc lựa chọn từ.	- Mắc nhiều lỗi về phát âm và trọng âm.	- Thường xuyên bị gián đoạn, dừng lại khi đang nói để tìm ý.

<b>Dưới 4.0</b> <b>Mức F</b> (Không đạt)	- Không có khả năng sử dụng được cấu trúc ngữ pháp cơ bản để bắt đầu cuộc hội thoại.	- Không có khả năng sử dụng được từ vựng cơ bản để bắt đầu cuộc hội thoại.	- Hầu như không phát âm và nhấn được trọng âm của từ và trọng âm câu	- Hầu như không tạo ra được sự trôi chảy khi nói.
--	--	--	--	---

9.3.2. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Đạt, song cần cải thiện	Không đạt
		10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	4,0-0,0
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự trên lớp đạt trên 90% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 85-90% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 80-85% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 80% số tiết học	Tham dự trên lớp dưới 80% số tiết học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi, chữa ít nhất 1 bài tập	Có trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi	Có trao đổi, phát biểu, trả lời 1 câu hỏi	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2022

**Viện trưởng**

**Trưởng bộ môn**

**Người soạn đề cương**





**ThS. Nguyễn Thị Định**

**ThS. Lê Thị Yên**

**ThS. Phạm Thị Thu Nga**